

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

Số: 4743/VP-KGVX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2021

V/v triển khai thực hiện danh sách
thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng
bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2025.

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc “Về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025” (đính kèm văn bản).

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Lưu Trung có ý kiến chỉ đạo:

Giao Ban Dân tộc tỉnh tổ chức triển khai thực Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban Dân tộc.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến chỉ đạo trên đến quý cơ quan biết, thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; P. KGVX;
- Lưu: VT, tthuy.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Công Danh

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: 433/QĐ-UBDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 2.027 thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *UT*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBĐT;
- Lưu: VT, CSDT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Hầu A Lệnh



TỔNG HỢP THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG ĐÀN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025.
Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
	Tổng cộng	2.027	
1	Vĩnh Phúc	0	
2	TP. Hà Nội	0	
3	Quảng Ninh	12	
4	Ninh Bình	0	
5	Hà Giang	81	
6	Cao Bằng	47	
7	Bắc Kạn	65	
8	Tuyên Quang	120	
9	Lào Cai	130	
10	Yên Bái	54	
11	Thái Nguyên	50	
12	Lạng Sơn	94	
13	Bắc Giang	66	
14	Phú Thọ	70	
15	Điện Biên	57	
16	Lai Châu	101	
17	Sơn La	104	
18	Hòa Bình	86	
19	Thanh Hóa	186	
20	Nghệ An	38	
21	Hà Tĩnh	2	
22	Quảng Bình	7	
23	Quảng Trị	16	
24	Thừa Thiên Huế	5	
25	TP Đà Nẵng	0	
26	Quảng Nam	19	
27	Quảng Ngãi	6	
28	Bình Định	7	
29	Phú Yên	10	

TT	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú
30	Khánh Hòa	10	
31	Ninh Thuận	10	
32	Bình Thuận	10	
33	Kon Tum	41	
34	Gia Lai	203	
35	Đắk Lắk	84	
36	Đắk Nông	40	
37	Lâm Đồng	49	
38	Bình Dương	0	
39	Bình Phước	25	
40	Tây Ninh	0	
41	Đồng Nai	0	
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	
43	Trà Vinh	10	
44	Vĩnh Long	4	
45	An Giang	10	
46	Kiên Giang	10	
47	Cần Thơ	0	
48	Hậu Giang	0	
49	Sóc Trăng	45	
50	Bạc Liêu	0	
51	Cà Mau	43	
52	Hải Dương	0	
53	TP. Hải Phòng	0	



**DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KIÊN GIANG
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 48 tháng 6 năm 2021
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

TT	Tên huyện, xã, thôn	Ghi chú
	Tổng số: 10 thôn	
I	Huyện Hòn Đất	
1	Sơn Kiên	
	Ấp Vàm Răng	
2	Xã Thổ Sơn	
	Ấp Hòn Sóc	
II	Huyện An Biên	
1	Xã Đông Thái	
	Ấp Kinh Làng Đông	
III	Huyện Châu Thành	
1	Xã Bình An	
	Ấp Xà Xiêm	
2	Xã Minh Hòa	
	Ấp Minh Hưng	
	Ấp Hòa Hưng	
3	Thị trấn Minh Lương	
	Khu phố Minh Lạc	
IV	Huyện U Minh Thượng	
1	Xã An Minh Bắc	
	Ấp Kinh Năm	
V	Huyện Giồng Riềng	
1	Xã Bàn Thạch	
	ấp Giồng Đá	
VI	Huyện Giang Thành	
1	Xã Vĩnh Điều	
	ấp Tràm Trôi	